

SỬ DỤNG RUBRIC TRONG VIỆC XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI DẠNG ĐỀ MỞ MÔN NGỮ VĂN

ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Một trong những khó khăn của giáo viên (GV) Ngữ văn hiện nay là vấn đề đánh giá năng lực tạo lập văn bản của học sinh (HS) như thế nào để đảm bảo tính chính xác, khách quan, phù hợp với định hướng đổi mới về kiểm tra, đánh giá mà Bộ Giáo dục & Đào tạo chỉ đạo. Nhằm giảm thiểu kiểu kiểm tra tái hiện kiến thức chỉ đánh giá khả năng ghi nhớ đơn thuần của HS, giảm thiểu sự sao chép văn mẫu, gần đây xu hướng ra đề mở đã được hầu hết các GV đón nhận và thực hiện như một xu thế phát triển tất yếu của quá trình đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS ở môn Ngữ văn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, GV không gặp khó khăn khi xây dựng một đề văn mở nhưng lại rất lúng túng trong cách đánh giá bài viết của HS. Với mong muốn giúp cho GV thuận lợi hơn khi thiết kế hướng dẫn chấm những đề văn mở, trong phạm vi bài viết này chúng tôi giới thiệu cách xây dựng và sử dụng Rubric, một công cụ hữu hiệu nhằm đánh giá năng lực tạo lập văn bản của HS.

2. Rubric là gì?

Theo các tác giả Trần Kiều, Nguyễn Thị Lan Phương: "*Rubric là bản mô tả đầy đủ những gì người học cần chứng tỏ để được xếp hạng năng lực giỏi, khá, trung bình, yếu, kém đối với yêu cầu môn học*" [1]. Chú ý tới lợi ích và cấu trúc của Rubric, tác giả Tôn Quang Cường quan niệm: "*Rubric là công cụ đánh giá được sử dụng rộng rãi trong thực tiễn giáo dục và dạy học, thể hiện dưới dạng bảng mô tả chi tiết có tính hệ thống (theo chuẩn, tiêu chí và mức) những kết quả (kiến thức, kĩ năng, thái độ) mà người học nên làm và cần phải làm để đạt được mục tiêu cuối cùng khi thực hiện một nhiệm vụ cụ thể*" [2].

Như vậy, Rubric là một công cụ có thể dùng trong đánh giá kết quả học tập của HS, được thể hiện bằng bảng miêu tả các tiêu chí cụ thể theo những cấp độ khác nhau dựa trên mục tiêu nhiệm vụ đặt ra. Trong dạy học Ngữ văn, GV đánh giá năng lực tạo lập văn bản của HS bằng Rubric chính là thiết kế một bảng hệ thống những yêu cầu cần đạt (về nội dung kiến thức thể hiện trong bài viết, kĩ năng tạo lập bài viết, tính sáng tạo thể hiện trong bài viết) với các tiêu chí khác nhau ở từng mức độ, căn cứ vào mục tiêu mà GV đặt ra.

3. Phân loại Rubric

Căn cứ vào chức năng và mục đích đánh giá, người ta có thể chia Rubric thành hai loại: Rubric định tính/tổng hợp và Rubric định lượng/phân tích.

- *Rubric định tính/tổng hợp (Holistic)*: Được sử dụng để đánh giá tổng thể toàn bộ quá trình thực hiện nhiệm vụ của HS, không yêu cầu mô tả chi tiết về các tiêu chí (chỉ số) thực hiện của từng công đoạn hay kết quả trung gian [3].

Theo mô hình Rubric định tính, đánh giá năng lực tạo lập văn bản của HS có thể được thiết kế thành hai

cột: Cột thứ nhất ghi mức độ điểm số mà HS đạt được, cột thứ hai mô tả các tiêu chí ở mỗi mức điểm (những tiêu chí này thể hiện các yêu cầu cần đạt của bài viết mà GV đặt ra với HS).

- *Rubric định lượng/phân tích (Analytic)*: Được sử dụng đánh giá từng công đoạn hoặc kết quả trung gian của người học trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các điểm đánh giá thành phần sẽ được cộng lại thành điểm tổng kết cuối cùng [4]. Rubric định lượng đòi hỏi phải có sự mô tả cụ thể các chỉ số tương ứng với tiêu chí, mức độ và điểm số.

Theo mô hình Rubric định lượng, đánh giá năng lực tạo lập văn bản của HS có thể được thiết kế thành nhiều cột: Cột thứ nhất ghi nội dung chính của các điểm thành phần, những cột tiếp theo mô tả cụ thể tiêu chí cần đạt mà GV đặt ra tương ứng với từng mức điểm. Những mức điểm này nên xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp theo kiểu bậc thang để thuận tiện cho GV khi đánh giá.

4. Quy trình thiết kế Rubric hướng dẫn chấm điểm trong môn Ngữ văn

Để đánh giá năng lực tạo lập văn bản của HS, đặc biệt khi thực hiện các đề mở, có thể xây dựng Rubric hướng dẫn chấm điểm theo các bước sau:

- *Xây dựng tiêu chí thực hiện*: Dựa vào mục tiêu nội dung chương trình và chuẩn kiến thức kĩ năng, GV cần xác định năng lực tạo lập văn bản của HS thể hiện qua các tiêu chí cụ thể đối với dạng bài viết. Chẳng hạn, đối với HS lớp 12, để đánh giá năng lực tạo lập văn bản cần căn cứ vào yêu cầu đặt ra trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn là: "Biết viết bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, lối sống, về một hiện tượng trong đời sống; về một tác phẩm, một ý kiến, nhận định văn học (với độ dài ít nhất 700 chữ trong thời gian 90 phút)" [5]. Từ yêu cầu này, GV xác định các tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội. Những tiêu chí sẽ tập trung vào các khía cạnh như: trọng tâm vấn đề nghị luận; nội dung, kiến thức liên quan đến vấn đề nghị luận, kĩ năng tổ chức bài viết nghị luận xã hội; tính sáng tạo thể hiện trong bài viết...

- *Thiết lập các mức độ cụ thể với từng tiêu chí*: Căn cứ vào vai trò, tầm quan trọng của từng tiêu chí dựa trên mục tiêu dạy học và đối tượng HS, GV quyết định mỗi tiêu chí có bao nhiêu mức đánh giá tương ứng với từng số điểm cụ thể. Thông thường, mỗi tiêu chí được xây dựng từ 3 đến 6 mức đối với Rubric định lượng, 5 đến 6 mức đối với kiểu Rubric định tính (theo thang điểm 10). Những tiêu chí quan trọng sẽ có nhiều mức điểm hơn so với các tiêu chí còn lại. Tuy nhiên, để tăng cường tính chính xác, khách quan khi đánh giá năng lực tạo lập văn bản của HS, các mức điểm không nên để phổ quá rộng.

- *Viết mô tả cụ thể cho mỗi mức của từng tiêu chí*: Việc



mô tả này cung cấp những chi tiết làm căn cứ cho việc đánh giá các tiêu chí theo từng mức độ. Những thông tin để hướng dẫn đánh giá này không nên quá nhiều vì sẽ gây khó khăn trong đánh giá. Thông tin của từng mức phải tường minh, phù hợp, vì vậy nên hạn chế tối đa những từ ngữ chung chung để mô tả (nhất là trong Rubric định lượng). GV nên bắt đầu mô tả ở mức điểm cao nhất đến các mức điểm thấp dần, cần cố gắng thể hiện được sự khác biệt giữa những mức này bằng một vài từ khóa rõ ràng để tạo sự thuận lợi khi đánh giá.

- **Rà soát điều chỉnh:** Việc rà soát điều chỉnh Rubric đã thiết kế là hết sức quan trọng để tăng cường tính chính xác của hệ thống tiêu chí cũng như điểm số mà GV sẽ sử

dụng khi đánh giá kết quả bài viết của HS. Nếu còn băn khoăn, GV nên trao đổi với đồng nghiệp nhằm phát hiện và tìm cách giải quyết các vấn đề chưa ổn thỏa. Thực tế cho thấy, chỉ trong quá trình chấm bài và đối diện với bài viết của HS, GV mới nhận ra sự cần thiết phải điều chỉnh một nội dung, yêu cầu cụ thể nào đó từ Rubric.

5. Ví dụ minh họa về xây dựng Rubric hướng dẫn chấm điểm trong môn Ngữ văn

Giả sử với đề văn: *Hãy viết bài văn khoảng hai trang nói về suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt bạn bè trong trường học hiện nay?* Chúng ta có thể xây dựng Rubric theo hai kiểu như sau (xem bảng 1 và bảng 2):

Bảng 1: Mô hình Rubric định tính

Điểm	Mô tả
Điểm 10 - 9	Bài viết rõ trọng tâm (bắt nạt bạn bè trong trường học hiện nay - với các luận điểm: biểu hiện, thực trạng đang diễn ra, nguyên nhân của hiện tượng, các biện pháp khắc phục, bài học rút ra); có sức thuyết phục cao trong lập luận, sử dụng dẫn chứng và thể hiện quan điểm; hầu như không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ; có những sáng tạo hiệu quả; trình bày sạch đẹp.
Điểm 8 - 7	Bài viết khá rõ trọng tâm (đề cập tới các khía cạnh: hiện tượng đang diễn ra như thế nào, nguyên nhân của hiện tượng, các biện pháp khắc phục), có sức thuyết phục trong lập luận, sử dụng dẫn chứng và thể hiện quan điểm; còn mắc một vài lỗi diễn đạt, dùng từ; có sự sáng tạo, trình bày rõ ràng.
Điểm 6 - 5	Bài viết đã hướng tới trọng tâm (các luận điểm chưa triển khai chưa sâu hoặc thiếu một luận điểm chính); biết cách lập luận và sử dụng dẫn chứng, thể hiện quan điểm khá thuyết phục, còn mắc một số lỗi diễn đạt, dùng từ; trình bày khá rõ.
Điểm 4 - 3	Bài viết chưa rõ trọng tâm (các luận điểm triển khai còn sơ sài, hoặc thiếu hai luận điểm chính); lập luận và sử dụng dẫn chứng còn lúng túng; quan điểm chưa rõ; mắc tương đối nhiều về lỗi diễn đạt, dùng từ; trình bày chưa rõ.
Điểm 2 - 1	Bài viết không có trọng tâm (các luận điểm triển khai rất sơ sài, hoặc thiếu ba luận điểm chính), lập luận và sử dụng dẫn chứng còn rất lúng túng; thể hiện quan điểm không rõ/thiếu sức thuyết phục; mắc nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ; trình bày không rõ ràng.
Điểm 0	Bài viết lạc đề hoặc để giấy trắng, hoặc mới viết được 1-2 câu chưa thể hiện được khía cạnh nội dung nào.

Bảng 2: Mô hình Rubric định lượng

Tiêu chí	Mức 4 (Điểm 3)	Mức 3 (Điểm 2)	Mức 2 (Điểm 1)	Mức 1 (Điểm 0)
1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội	Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài chốt lại được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.	Trình bày đầy đủ ba phần: mở bài, thân bài, nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu trên; phần thân bài chỉ có một đoạn văn.	Thiếu mở bài hoặc kết bài, thân bài chỉ có một đoạn văn.	Không đảm bảo cấu trúc 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài hoặc chỉ có một đoạn văn.
2. Xác định được vấn đề trọng tâm cần bàn luận		Xác định chính xác, đầy đủ vấn đề nghị luận: bắt nạt bạn bè trong trường học hiện nay - với các luận điểm: biểu hiện, thực trạng đang diễn ra, nguyên nhân của hiện tượng, các biện pháp khắc phục, bài học rút ra.	Xác định đúng nhưng chưa đủ các khía cạnh của vấn đề nghị luận: đề cập tới các khía cạnh: hiện tượng đang diễn ra như thế nào, nguyên nhân của hiện tượng, các biện pháp khắc phục.	Xác định không chính xác hoặc bàn luận vấn đề không liên quan đến yêu cầu đề bài.

3. Hệ thống luận điểm, lí lẽ hợp lí	Trình bày được đầy đủ các luận điểm để thuyết phục vấn đề theo yêu cầu của đề bài. Có thể đưa ra các luận điểm sau: - Biểu hiện của hiện tượng bắt nạt bạn bè trong trường học hiện nay; - Thực trạng của hiện tượng bắt nạt bạn bè trong trường học đang diễn ra; - Nguyên nhân của hiện tượng bắt nạt bạn bè trong trường học; - Các biện pháp khắc phục; - Bài học rút ra.	Đưa ra được một số ý nhưng trình bày chưa đầy đủ, thuyết phục; hoặc chỉ nói về biểu hiện, thực trạng mà không đề cập đến nguyên nhân, biện pháp và rút ra bài học.	Chỉ nêu một vài ý sơ sài, phiến diện về một biểu hiện, hoặc thực trạng mà thiếu sự lí giải.	Không rõ luận điểm, chỉ nêu chung chung
4. Biết lập luận và lựa chọn các dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.	Lập luận logic, thuyết phục, sử dụng các thao tác lập luận phù hợp, nhuần nhuyễn, linh hoạt.	Lập luận khá logic; Sử dụng một số thao tác lập luận nhưng chưa thật phong phú.	Sử dụng các thao tác lập luận chưa thật phù hợp hoặc lập luận chưa chặt chẽ. Có một dẫn chứng nhưng chưa sinh động, tiêu biểu.	Không biết sử dụng các thao tác lập luận, lạc sang kể lể... Không có dẫn chứng cụ thể.
5. Biết chọn các dẫn chứng minh họa cho các luận điểm	Đưa ra được những dẫn chứng cụ thể, sinh động, phong phú, phù hợp với các lí lẽ, làm sáng tỏ được vấn đề bắt nạt trong trường học hiện nay.	Nêu được một số dẫn chứng nhưng chưa thật phong phú, thuyết phục về hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay	Có một dẫn chứng nhưng chưa sinh động, tiêu biểu.	Không có dẫn chứng cụ thể.
6. Diễn đạt		Diễn đạt chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, có thể mắc 1 -2 lỗi chính tả hoặc dùng từ.	Diễn đạt chưa thật chính xác, rõ ràng, mắc từ 3-5 lỗi chính tả và dùng từ.	Diễn đạt không chính xác, rõ ràng, mắc trên 5 lỗi chính tả, dùng từ...
7. Quan điểm, thái độ của người viết		Thể hiện rõ quan điểm và bài học cá nhân về hiện tượng bắt nạt trong trường học; thái độ đúng chuẩn mực đạo đức.	Chưa thể hiện rõ quan điểm, bài học cá nhân về hiện tượng bắt nạt trong trường học; thái độ đúng chuẩn mực đạo đức.	Không thể hiện quan điểm; thái độ lệch chuẩn mực đạo đức.
8. Sáng tạo		Có những ý kiến riêng hoặc cách diễn đạt độc đáo, hấp dẫn.	Có một chi tiết hoặc câu văn có màu sắc riêng.	Không có sáng tạo về ý hoặc diễn đạt

6. Kết luận

Rubric được sử dụng như một công cụ đánh giá khá hữu hiệu. Đối với HS, nhờ có những mô tả chi tiết góp phần phân định rõ ràng, chính xác từng tiêu chí cụ thể của bài viết nên rất thuận lợi trong việc theo dõi, đánh giá mức độ đạt được của bản thân và các bạn. Qua các mô tả ở Rubric, HS sẽ hiểu được yêu cầu của từng vấn đề đặt ra trong bài viết (cách thể hiện nội dung trọng tâm, cấu trúc bài viết, liên kết các phần...) từ đó có những định hướng đúng trong quá trình học tập, rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản. Đối với GV, Rubric góp phần làm sáng rõ hơn các mục tiêu dạy học kĩ năng tạo lập văn bản, do đó sẽ có những tác động nhất định trong việc lựa chọn, sử dụng phương pháp dạy học để đạt được mục tiêu. Một điều rất quan trọng là khi đánh giá bài viết của HS thông qua Rubric đã thiết kế, GV dễ dàng xâu chuỗi để nhận ra những ưu điểm, hạn chế của từng HS ở mỗi yêu cầu đặt ra, từ đó tìm ra cách thức uốn nắn, khắc phục những điểm yếu và khuyến khích phát huy những điểm mạnh để các em tiến bộ hơn. Vì vậy, việc sử dụng

Rubric trong đánh giá năng lực tạo lập văn bản của HS nói riêng và trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn nói chung là một vấn đề rất cần được nghiên cứu và triển khai sâu rộng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Kiều, Nguyễn Thị Lan Phương, (2009), *Đổi mới đánh giá kết quả học tập của HS*, Tài liệu tập huấn GV.
- [2]. Tôn Quang Cường, (2014), *Áp dụng đánh giá theo Rubric trong dạy học*, Tạp chí Academia.edu.
- [3]. Nitko, A. J., (2001), *Educational assessment of students (3rd ed.)*. Upper Saddle River, NJ: Merrill. "Rubistar Rubric Generator", (<http://rubistar.4teachers.org/>).
- [4]. Moskal, B. M., (2000), *Scoring rubrics: what, when, and how? Practical Assessment, Research, & Evaluation*.
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2006), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục.
- [6]. Nguyễn Kim Dung, (2010), *Xây dựng các tiêu chí đánh giá nhận thức*, Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.



[7]. Nguyễn Thị Hồng Vân, (2014), *Đề mở và yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn*, Tài liệu Hội thảo, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

SUMMARY

Rubric is a tool in the assessment of students' learning outcomes, shown in descriptive tables with specific criteria, different levels basing on given objectives and tasks. In Literature teaching, teachers assess students' text writing competence (using Rubric) through requirement checklist

(in terms of contents and knowledge presentation, skill to create the writing, creativeness) with different criteria for each level basing on given goals. To support teachers to design guide handbook to mark open test, the author introduced way to develop and use rubric-an effective tool to assess the students' competence to create text. The author clarifies: 1/definition of Rubric; 2/classification of Rubric; 3/Process to design Rubric score guide in Literature.

Keywords: Rubric; open test; scoring; Literature.

THỰC TRẠNG VIỆC KẾT HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG... (Tiếp theo trang 14)

Bảng 5: Đánh giá của CBQL, GV THCS, cha mẹ HS, cán bộ cộng đồng về mức độ ảnh hưởng các yếu tố đến sự kết hợp các lực lượng GD trong GD HS

STT	Các yếu tố	Đánh giá của các nhóm khách thể					
		GV và CBQL		Cha/mẹ		Cán bộ cộng đồng	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Nhận thức và thái độ về vai trò, mục tiêu, nội dung phối hợp của cán bộ, GV trong nhà trường	3,84	3	3,82	2	3,99	4
2	Nhận thức và thái độ về vai trò, mục tiêu, nội dung phối hợp của cha/mẹ HS	3,82	4	3,59	4	4,06	3
3	Nhận thức và thái độ về vai trò, mục tiêu, nội dung phối hợp của cán bộ các tổ chức, đoàn thể địa phương	3,66	7	3,43	5	3,92	5
4	Điều kiện kinh tế, văn hóa của các gia đình và địa phương còn khó khăn, hạn chế	3,08	10	3,33	8	3,48	10
5	Năng lực tổ chức các hoạt động phối hợp của GV trong trường còn hạn chế	3,78	5	3,38	7	3,90	6
6	Năng lực tham gia hoạt động phối hợp của cha/mẹ HS còn hạn chế	3,96	1	3,73	3	4,08	2
7	Năng lực tham gia phối hợp của cán bộ tổ chức, đoàn thể địa phương còn hạn chế	3,93	2	3,84	1	4,10	1
8	Nhận thức, thái độ và năng lực của cán bộ quản lý nhà trường còn hạn chế	3,59	8	3,40	6	3,70	8
9	Cơ chế, chính sách của ngành về XH hóa GD và sự tham gia của các cá nhân, tổ chức XH vào việc GD HS	3,70	6	3,24	9	3,83	7
10	Phong tục, tập quán, truyền thống học tập của địa phương	3,58	9	2,94	10	3,59	9

đến GD gia đình và phát triển cộng đồng chưa thực sự hiệu quả. Thực trạng này chịu sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó yếu tố ảnh hưởng lớn nhất là nhận thức, thái độ và năng lực tham gia hoạt động kết hợp của các chủ thể GV, cha/mẹ HS, của cán bộ tổ chức, đoàn thể địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ GD&ĐT, (2009), *Luật GD sửa đổi một số điều*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 [2]. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI*.
 [3]. Thái Duy Tuyên, (2001), *GD học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
 [4]. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thế Ngữ, (1987), *GD học*, NXB GD.
 [5]. Trần Thị Tuyết Oanh, (2006), *GD học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 [6]. Đông Tử, (2014), *Người cha tốt hơn là người thầy tốt*, NXB Văn học.
 [7]. Đới Hiếu Nguyễn, (2013), *85 tình huống trao đổi giữa phụ huynh và GV mầm non*, NXB Văn hóa -Thông tin.

[8]. Robert J. Marzano, (2011), *Quản lý lớp học hiệu quả*, NXB GD Việt Nam.

[9]. Nguyễn Minh Phương, (2009), *Sáng kiến thử nghiệm "tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường THPT với cộng đồng"*, Đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học GD Việt Nam.

[10]. Hà Thế Ngữ, (2001), *GD học, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

SUMMARY

Combining family, school and society (community) is one of educational principles in general and has been institutionalized in Education law. The paper presents the real status of combination among educational forces at lower secondary schools. The research findings showed contents and forms of this combination. However, it is just effective in terms of learners' learning, affected by many factors, including awareness, attitudes and competence to participate in activities from teachers, students' parents, managers and local unions.

Keywords: School; family; society; community; education; students.